

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG TRỊ
ĐỀ CHÍNH THỨC**
(Đề thi có 04 trang)

KỶ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2026
MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 0701

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được thể hiện ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Lượng bức xạ Mặt Trời lớn. B. Tín phong hoạt động quanh năm.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. D. Lượng mưa trung bình năm cao.

Câu 2. Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp nước ta đa dạng chủ yếu là do

- A. nhiều đồi núi thấp, mưa theo mùa. B. đất đai phân hóa, địa hình đồi núi.
C. nguồn nước dồi dào, nền nhiệt cao. D. khí hậu phân hóa, có nhiều loại đất.

Câu 3. Nguồn lao động ở nước ta hiện nay không có đặc điểm nào sau đây?

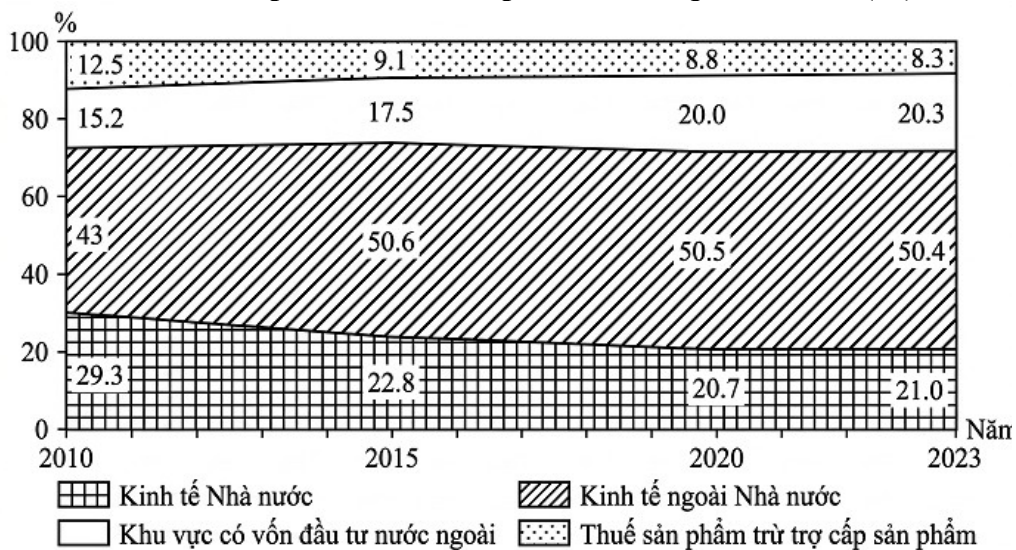
- A. Tác phong công nghiệp cao. B. Có khả năng hội nhập quốc tế.
C. Chất lượng ngày càng tăng. D. Có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

Câu 4. Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta có biên độ nhiệt trung bình năm cao hơn phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do

- A. vị trí gần chí tuyến Bắc, tác động của gió mùa Đông Bắc.
B. nằm ở vùng nội chí tuyến, trong khu vực gió mùa châu Á.
C. vị trí ở xa Xích đạo, tác động của Tín phong bán cầu Bắc.
D. nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 5. Cho biểu đồ sau:

Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế qua các năm (%)



Biểu đồ thay đổi cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010 – 2023

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng về cơ cấu GDP theo thành phần kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010 - 2023?

- A. Tỷ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng 1,5 lần.
B. Tỷ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng ít nhất.
C. Tỷ trọng kinh tế Nhà nước tăng nhanh nhất.
D. Tỷ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng.

Câu 6. Điểm cực Bắc trên đất liền nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Tuyên Quang. B. Khánh Hòa. C. Điện Biên. D. Cà Mau.

Câu 7. Ngành vận tải nào sau đây ở nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất?

- A. Đường biển. B. Đường ống. C. Đường sắt. D. Đường bộ.

Câu 8. Ngành giao thông vận tải ở nước ta hiện nay

- A. phát triển đều cả nước. B. đầy đủ các loại hình.

C. chủ yếu là đường sắt.

D. tập trung ở miền núi.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây không đúng về ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du miền núi phía Bắc?

A. Làm thay đổi đời sống của đồng bào dân tộc ít người.

B. Tạo động lực cho vùng phát triển công nghiệp khai thác.

C. Tạo nhiều việc làm tại chỗ cho lao động ở địa phương.

D. Góp phần giảm thiểu lũ lụt cho Đồng bằng sông Hồng.

Câu 10. Phân bố dân cư của nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

A. Dân cư tập trung chủ yếu ở vùng núi.

B. Mật độ dân số đồng đều giữa các vùng.

C. Tỷ lệ dân nông thôn có xu hướng tăng.

D. Dân cư tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

Câu 11. Ở nước ta, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh do

A. thị trường rộng, thu hút vốn, lao động chuyên môn.

B. nguồn lao động dồi dào, giàu tài nguyên, vốn lớn.

C. mở cửa hội nhập, toàn cầu hóa, đường lối đổi mới.

D. công nghiệp hóa, chính sách phát triển, ít thiên tai.

Câu 12. Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có thể mạnh về

A. chăn nuôi trâu, bò.

B. nuôi lợn, gia cầm.

C. trồng cây lúa, lạc.

D. nuôi tôm, cá nước lợ.

Câu 13. Giải pháp quan trọng nhất để phát triển chăn nuôi gia súc lớn theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du miền núi phía Bắc là

A. áp dụng kỹ thuật mới, phát triển trang trại, xây dựng thương hiệu.

B. phòng chống dịch bệnh, chăn nuôi tập trung, mở rộng thị trường.

C. sử dụng giống tốt, bảo đảm nguồn thức ăn, xây dựng chuồng trại.

D. tăng liên kết, cải tạo đồng cỏ, đẩy mạnh hoạt động chế biến.

Câu 14. Khu du lịch nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

A. Tam Đảo.

B. Sa Pa.

C. Trà Cổ.

D. Đền Hùng.

Câu 15. Tỉnh nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

A. Phú Thọ.

B. Thái Nguyên.

C. Cao Bằng.

D. Quảng Ninh.

Câu 16. Trung du miền núi phía Bắc không có thế mạnh nào sau đây?

A. Dịch vụ hàng hải.

B. Khai thác khoáng sản.

C. Phát triển thủy điện.

D. Trồng cây cận nhiệt.

Câu 17. Hoạt động nào sau đây thuộc lâm sinh?

A. Khoanh nuôi rừng.

B. Chế biến lâm sản.

C. Khai thác gỗ quý.

D. Khai thác dược liệu.

Câu 18. Lũ quét ở nước ta thường xảy ra vùng nào sau đây?

A. Cửa sông.

B. Miền núi.

C. Đồng bằng.

D. Ven biển.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Khí hậu đặc trưng là nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có mùa đông lạnh với 2 - 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 18°C, biên độ nhiệt độ trung bình năm cao. Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là đới rừng nhiệt đới gió mùa.

a) Nội dung trên thể hiện đặc điểm thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc.

b) Thành phần loài sinh vật xích đạo chiếm ưu thế, vùng ven biển và cửa sông phát triển rừng ngập mặn.

c) Khí hậu có mùa đông lạnh tạo điều kiện thuận lợi để sản xuất rau vụ đông và các cây có nguồn gốc nhiệt đới.

d) Lãnh thổ chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc do vị trí gần trung tâm khối khí lạnh phương Bắc kết hợp với hướng địa hình.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Nước ta có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp điện lực, thể hiện qua sản lượng tăng nhanh theo thời gian. Trong cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn, thủy điện và nhiệt điện vẫn chiếm tỉ trọng chủ yếu. Cơ cấu nguồn điện nước ta ngày càng đa dạng và đáp ứng tốt hơn cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt.

- a) Trong cơ cấu nguồn điện nước ta hiện nay thủy điện chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- b) Việc phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo hướng tới mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính, thân thiện với môi trường.
- c) Đa dạng hóa cơ cấu nguồn điện ở nước ta chủ yếu để đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng ngày càng lớn của dân cư và đảm bảo năng lượng cho quá trình phát triển đô thị.
- d) Nước ta có cơ cấu nguồn điện đa dạng, thay đổi theo thời gian do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xu hướng chuyển dịch cơ cấu năng lượng trong giai đoạn hiện nay.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng và phát triển sớm ở Đồng bằng sông Hồng. Giá trị sản xuất công nghiệp cao, tăng nhanh và cơ cấu đa dạng. Ngành công nghiệp Đồng bằng sông Hồng đang phát triển theo hướng hiện đại có khả năng cạnh tranh, tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

- a) Các ngành công nghiệp mới đóng góp ngày càng lớn vào GRDP của vùng.
- b) Công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng phát triển đồng đều giữa các địa phương.
- c) Định hướng phát triển công nghiệp của vùng là chú trọng một số ngành công nghệ cao, tăng các ngành có lợi thế về lao động, thị trường.
- d) Thế mạnh chủ yếu để phát triển các ngành công nghiệp hiện đại của vùng là lao động giá rẻ, giàu tài nguyên thiên nhiên, cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

Diện tích và dân số của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2024

Quốc gia	Phi-líp-pin	Cam-pu-chia	Ma-lai-xi-a
Diện tích (nghìn km²)	298,2	176,5	328,6
Dân số (triệu người)	114,4	16,6	34,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2024, Nxb Thống kê)

- a) Diện tích và số dân Ma-lai-xi-a lớn nhất, Cam-pu-chia nhỏ nhất.
- b) Ma-lai-xi-a có mật độ dân số thấp hơn Phi-líp-pin và cao hơn Cam-pu-chia.
- c) Cam-pu-chia có diện tích, số dân và mật độ dân số thấp nhất.
- d) Mật độ dân số Phi-líp-pin gấp 3,5 lần Cam-pu-chia.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Số giờ nắng tại trạm quan trắc Hà Nội (trạm Láng) năm 2024

(Đơn vị: giờ)

Số giờ nắng	Tháng cao nhất (tháng 10)	Tháng thấp nhất (tháng 1)
Hà Nội (trạm Láng)	183,4	33,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch số giờ nắng tháng cao nhất và số giờ nắng tháng thấp nhất năm 2024 tại Hà Nội là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Mức nước biển trung bình các tháng tại trạm quan trắc Cồn Cỏ, năm 2024

(Đơn vị: cm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cồn Cỏ	91	80	81	72	76	74	73	71	87	107	113	105

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ bảng số liệu trên, hãy cho biết mực nước biển trung bình năm 2024 tại trạm quan trắc Cồn Cỏ là bao nhiêu cm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Năm 2024, quy mô dân số nước ta là 101,3 triệu người, tỉ lệ dân số nam so với tổng số dân là 49,9%. Hãy cho biết, năm 2024 quy mô dân số nam của nước ta là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 4. Năm 2024, sản lượng lúa của nước ta là 43475,3 nghìn tấn, năng suất lúa đạt 61,0 tạ/ha. Hãy cho biết, năm 2024 diện tích trồng lúa của nước ta là bao nhiêu nghìn ha (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Dân số, sản lượng lúa cả năm của nước ta năm 2010 và 2024

Năm	2010	2024
Sản lượng (nghìn tấn)	40005,6	43475,3
Dân số (nghìn người)	87067,3	101340,1

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết bình quân sản lượng lúa theo đầu người của nước ta năm 2024 so với năm 2010 giảm bao nhiêu kg/người (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Dân số, mật độ dân số vùng Trung du miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ năm 2023

Vùng	Trung du miền núi phía Bắc	Bắc Trung Bộ
Dân số (triệu người)	12,6	11,3
Mật độ dân số (người/km ²)	136,0	221,0

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2023 diện tích tự nhiên vùng Trung du miền núi phía Bắc lớn hơn vùng Bắc Trung Bộ bao nhiêu nghìn km² (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

Phần I

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Đáp án	A	D	A	A	D	A	D	B	C	D	C	A	A	C	D	A	A	B

Phần II

Câu	a	b	c	d
1	Đ	S	S	Đ
2	S	Đ	S	Đ
3	Đ	S	Đ	S
4	S	Đ	Đ	S

Phần III

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	150	86	50,5	7127	30,5	41,5

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I

Câu 1. Đáp án A.

Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta thể hiện rõ nhất ở **lượng bức xạ Mặt Trời lớn**, làm cho cân bằng bức xạ dương quanh năm, nền nhiệt cao.

Các phương án C và D là biểu hiện của khí hậu nóng ẩm, còn B không đúng với phạm vi cả nước.

Câu 2. Đáp án D.

Cơ cấu sản phẩm nông nghiệp nước ta đa dạng chủ yếu do **khí hậu phân hóa** và **đất đai có nhiều loại**. Chính sự phân hóa này cho phép phát triển nhiều loại cây trồng, vật nuôi từ nhiệt đới đến cận nhiệt.

Câu 3. Đáp án A.

Nguồn lao động nước ta hiện nay có các đặc điểm như đông, chất lượng ngày càng tăng, có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, khả năng hội nhập quốc tế ngày càng tốt. Tuy nhiên, **tác phong công nghiệp cao** chưa phải là điểm mạnh nổi bật.

Câu 4. Đáp án A.

Phần lãnh thổ phía Bắc có biên độ nhiệt năm cao hơn phía Nam chủ yếu vì nằm gần chí tuyến Bắc hơn và chịu ảnh hưởng mạnh của **gió mùa Đông Bắc**, làm mùa đông lạnh rõ rệt hơn.

Câu 5. Đáp án D.

	29,3%	21,0%		43,0%
Từ biểu đồ: kinh tế Nhà nước từ	xuống	là giảm; kinh tế ngoài Nhà nước từ		lên
50,4%		15,2%	20,3%	
là tăng; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài từ		lên	là tăng; thuế sản phẩm trừ trợ	
12,5%	8,3%			

cấp sản phẩm từ xuống là giảm.
Do đó nhận xét đúng là **tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng**.
 $50,4 : 43,0 \approx 1,17$ 1,5

Phương án A sai vì lần, không phải lần.

Câu 6. Đáp án A.

Theo đáp án chính thức mã đề 0701, câu này chọn A. Tuy nhiên, kiến thức chuẩn là **điểm cực Bắc trên đất liền của nước ta thuộc tỉnh Hà Giang**. Ở ảnh đề, phương án A hiện thành “Tuyên Quang”, khả năng cao là lỗi gõ/chuyển đổi đề.

Câu 7. Đáp án D.

Ở nước ta, loại hình vận tải có **khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất** là **đường bộ** vì rất cơ động, mạng lưới rộng khắp và phù hợp vận chuyển cự li ngắn, trung bình.

Câu 8. Đáp án B.

Ngành giao thông vận tải nước ta hiện nay **đầy đủ các loại hình** gồm đường bộ, đường sắt, đường sông, đường biển, đường hàng không và đường ống.

Câu 9. Đáp án C.

Ý nghĩa lớn của thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là cung cấp điện, điều tiết nước, hạn chế lũ cho hạ lưu, thúc đẩy công nghiệp hóa và làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội.
Nhận định **“tạo nhiều việc làm tại chỗ cho lao động ở địa phương”** không phải ý nghĩa nổi bật nhất, nên đây là phương án không đúng.

Câu 10. Đáp án D.

Dân cư nước ta phân bố không đều, **tập trung chủ yếu ở đồng bằng**, ven biển và các đô thị lớn.

Câu 11. Đáp án C.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh chủ yếu do **mở cửa hội nhập, toàn cầu hóa và đường lối đổi mới** của nước ta.

Câu 12. Đáp án A.

Vùng đồi trước núi ở Bắc Trung Bộ có thể mạnh về **chăn nuôi trâu, bò** nhờ diện tích đồi rộng, có đồng cỏ và điều kiện phù hợp cho gia súc lớn.

Câu 13. Đáp án A.

Muốn phát triển chăn nuôi gia súc lớn theo hướng sản xuất hàng hóa ở Trung du và miền núi phía Bắc thì giải pháp quan trọng nhất là **áp dụng kỹ thuật mới, phát triển trang trại, xây dựng thương hiệu**. Đây là hướng nâng chất lượng, quy mô và giá trị hàng hóa.

Câu 14. Đáp án C.

Khu du lịch thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng là **Trà Cổ**.

Câu 15. Đáp án D.

Tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng theo cách phân vùng của đề là **Quảng Ninh**.

Câu 16. Đáp án A.

Trung du và miền núi phía Bắc có thể mạnh về khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện, trồng cây cận nhiệt. **Dịch vụ hàng hải** không phải thế mạnh của vùng này.

Câu 17. Đáp án A.

Hoạt động thuộc lâm sinh là **khoanh nuôi rừng**. Lâm sinh gồm trồng, chăm sóc, bảo vệ và phục hồi rừng.

Câu 18. Đáp án B.

Lũ quét thường xảy ra ở **miền núi** do địa hình dốc, mưa lớn tập trung, sông suối ngắn và dốc.

PHẦN II**Câu 1****a) Đúng.**

Đoạn thông tin mô tả thiên nhiên **phần lãnh thổ phía Bắc**, vì có mùa đông lạnh, biên độ nhiệt năm lớn và chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc.

b) Sai.

Phần lãnh thổ phía Bắc không phải nơi thành phần loài sinh vật xích đạo chiếm ưu thế. Sinh vật ở đây mang sắc thái nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, thêm yếu tố cận nhiệt và ôn đới ở vùng núi.

c) Sai.

Mùa đông lạnh thuận lợi cho rau vụ đông và cây cận nhiệt, ôn đới, chứ không thuận lợi chủ yếu cho cây có nguồn gốc nhiệt đới.

d) Đúng.

Phần phía Bắc chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc do gần trung tâm khối khí lạnh phương Bắc và có hướng địa hình phù hợp cho khối khí xâm nhập.

Câu 2**a) Sai.**

Trong cơ cấu nguồn điện hiện nay, thủy điện không phải lúc nào cũng chiếm tỉ trọng lớn nhất; nhiệt điện vẫn chiếm tỉ trọng rất lớn.

b) Đúng.

Phát triển điện gió, điện mặt trời và các nguồn tái tạo giúp giảm phát thải khí nhà kính, thân thiện hơn với môi trường.

c) Sai.

Đa dạng hóa cơ cấu nguồn điện không chỉ để phục vụ tiêu dùng dân cư và đô thị mà còn nhằm đáp ứng nhu cầu của toàn bộ nền kinh tế, đặc biệt là sản xuất công nghiệp, dịch vụ và đảm bảo an ninh năng lượng.

d) Đúng.

Cơ cấu nguồn điện nước ta ngày càng đa dạng và thay đổi theo thời gian do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xu hướng chuyển dịch năng lượng.

Câu 3

a) Đúng.

Các ngành công nghiệp mới như điện tử, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ đang đóng góp ngày càng lớn vào GRDP của Đồng bằng sông Hồng.

b) Sai.

Công nghiệp của vùng phát triển không đồng đều giữa các địa phương, mà tập trung mạnh ở một số trung tâm như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh,...

c) Đúng.

Định hướng phát triển công nghiệp của vùng là chú trọng công nghệ cao, đồng thời phát huy lợi thế về lao động, thị trường và khả năng liên kết sản xuất.

d) Sai.

Thế mạnh chủ yếu của vùng để phát triển công nghiệp hiện đại không phải là lao động giá rẻ và giàu tài nguyên thiên nhiên, mà là lao động có trình độ, cơ sở hạ tầng tốt, vị trí thuận lợi và thị trường lớn.

Câu 4

Ta tính mật độ dân số từng nước.

$$114,4 : 298,2 \approx 0,3836 \quad \text{2} \quad 383,6 \quad \text{2}$$

Phi-líp-pin có mật độ là $\frac{114,4}{298,2} \approx 0,3836$ nghìn người/km², tức khoảng 383,6 người/km².

$$16,6 : 176,5 \approx 0,0941 \quad \text{2} \quad 94,1 \quad \text{2}$$

Cam-pu-chia có mật độ là $\frac{16,6}{176,5} \approx 0,0941$ nghìn người/km², tức khoảng 94,1 người/km².

$$34,2 : 328,6 \approx 0,1041 \quad \text{2} \quad 104,1 \quad \text{2}$$

Ma-lai-xi-a có mật độ là $\frac{34,2}{328,6} \approx 0,1041$ nghìn người/km², tức khoảng 104,1 người/km².

a) Sai.

Ma-lai-xi-a có diện tích lớn nhất, nhưng dân số lớn nhất là Phi-líp-pin; Cam-pu-chia nhỏ nhất.

b) Đúng.

$$104,1 < 383,6 \quad 104,1 > 94,1$$

Ma-lai-xi-a có mật độ thấp hơn Phi-líp-pin vì $104,1 < 383,6$, và cao hơn Cam-pu-chia vì $104,1 > 94,1$.

c) Đúng.

Cam-pu-chia có diện tích nhỏ nhất, số dân nhỏ nhất và mật độ dân số cũng thấp nhất.

d) Sai.

$$383,6 : 94,1 \approx 4,1 \quad 3,5$$

Tỉ số mật độ là 4,1 lần, không phải 3,5 lần.

PHẦN III

Diện tích tự nhiên của Trung du và miền núi phía Bắc là 12600000 : 136 $\approx$ 92647,1 ² = 92,6471 ² triệu người \$: 136,0 ²\$
 km nghìn km .

11,3

ngu?i / km

Diện tích tự nhiên của Bắc Trung Bộ là 11300000 : 221 $\approx$ 51131,2 ² = 51,1312 ² triệu người \$: 221,0 ²\$
 km nghìn km .

$$92,6471 - 51,1312 = 41,5159$$

Hiệu diện tích là 41,5159 nghìn km ² .

Làm tròn đến một chữ số thập phân được **41,5 nghìn km** .

Đáp án: 41,5